相 互

xiānghù · tương hỗ · lẫn nhau

xiàng

相 相 相 相

hù

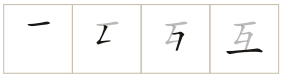

互 互 互 互

Dữ liệu nét: Make Me A Hanzi / Arphic Technology — Arphic Public License